BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5080 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh đợt 3 năm 2022 (niên khóa 2022 - 2025)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-ĐHLHN ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và Quyết định số 606/QĐ-ĐHLHN ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc sửa đổi các Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trúng tuyển nghiên cứu sinh đợt 3 năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội gồm 25 *(hai mươi lăm)* thí sinh có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng Phòng đào tạo sau đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội và thí sinh có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng ủy, Hội đồng trường (để b/c)
- Các Phó HT (để biết và chỉ đạo thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tải);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Đoàn Trung Kiên

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA 28C (ĐỢT 3 NĂM 2022)
(NIÊN KHÓA: 2022 - 2025)

(Kèm theo quyết định số 5080 /QĐ-ĐHLHN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Nơi công tác	Trường TN Đại học	Ngành TN đại học	Trường TN thạc sĩ	Ngành TN thạc sĩ	Ngoại ngữ	Mã số, tên chuyên ngành ĐT NCS, số năm ĐT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Cao Đại Đoàn	Nam	Kinh	16/07/1985	Nam Định	Văn phòng TW Giáo hội phật giáo VN	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LHP& LHC	Cử nhân NN Anh	Luật hiến pháp và Luật HC. MS9380102 (3 năm)	68,0	
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	Kinh	10/11/1990	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LHP& LHC	TOEFL iBT 72 ĐIỂM	Luật hiến pháp và Luật HC. MS9380102 (3 năm)	80,0	
3	Bế Hoài Anh	Nữ	Tày	16/08/1990	Quảng Ninh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LDS& TTDS	Cử nhân NN Anh	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	85	
4	Nguyễn Việt Thu Hương	Nữ	Kinh	15/01/2000	Bắc Ninh	Thí sinh tự do	Đại học Luật Hà Nội	Luật	**Chưa học ThS**		IELTS 6.0	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (4 năm)	65	
5	Trần Thị Hà	Nữ	Kinh	03/06/1989	Thái Bình	Trường ĐH Luật Hà Nội	Trường ĐH Luật Hà Nội	Luật	Trường ĐH Luật Hà Nội	LDS& TTDS	Cử nhân NN Anh	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	60	

6	Hoàng Diệu Linh	Nữ	Kinh	22/06/1994	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LDS& TTDS	CEFR cấp độ B2	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	57	
7	Hà Quỳnh Nga	Nữ	Kinh	25/09/1990	Hà Nội	Toà án nhân dân Tối cao	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật quốc tế	Đại học Kyushu	Luật và chính trị	Đại học Kyushu	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	62	
8	Lê Thị Thúy Nga	Nữ	Kinh	04/03/1990	Hà Giang	Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội	LDS& TTDS	IELTS 5.5	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	68	
9	Nguyễn Thị Vân Trang	Nữ	Kinh	10/12/1989	Bắc Ninh	Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Đại học luật Hà Nội	Luật quốc tế	Đại học luật Hà Nội	LDS& TTDS	Cử nhân NN Anh	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	57	
10	Lê Thị Hải Yến	Nữ	Kinh	26/07/1990	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội	LDS& TTDS	Cử nhân NN Anh	Luật Dân sự và TTDS MS9380103 (3 năm)	87	
11	Nguyễn Thế Anh	Nam	Kinh	19/02/1978	Nam Định	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội	LKT	Chứng chỉ B2	Luật Hình sự và TTHS MS9380104 (3 năm)	60,0	
12	Ngô Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	22/08/1991	Nam Định	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật học	Học viện khoa học xã hội	LHS& TTHS	TOEFL iBT 64 ĐIỂM	Luật Hình sự và TTHS MS9380104 (3 năm)	79,5	
13	Chu Thị Hương	Nữ	Kinh	05/05/1987	Bắc Giang	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	Luật hình sự	Trường Đại học Luật TPHCM	LHS& TTHS	Cử nhân NN Anh	Luật Hình sự và TTHS MS9380104 (3 năm)	67,0	

14	Nguyễn Thanh Huyên	Nam	Kinh	19/03/1976	Bắc Giang	thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	LL& LSNN PL	TOEFL iBT 79 ĐIỂM	Lý luận và Lịch sử NNPL MS9380106 (3 năm)	67,0	
15	Lê Ngọc Anh	Nữ	Kinh	20/12/1989	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LKT	Cử nhân NN Anh	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	87,0	
16	Đinh Văn Cảnh	Nam	Kinh	03/01/1983	Hà Nội	Phòng Công tác Đảng và công tác chính trị, Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại học Cảnh sát nhân dân	Điều tra trinh sát	Đại học Hòa Bình	LKT	TOEFL iBT 61 ĐIỂM	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	65,0	
17	Hoàng Quỳnh Hoa	Nữ	Tày	26/10/1989	Thái Nguyên	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội	LKT	TOEFL iBT 79 ĐIỂM	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	71,0	
18	Trần Thị Phương Liên	Nữ	Kinh	02/11/1990	Khánh Hòa	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội	LKT	TOEFL iBT 67 ĐIỂM	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	70,0	
19	Phan Văn Lâm	Nam	Kinh	20/03/1981	Nghệ An	Tạp chí Pháp luật và Phát triển	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Đại học Vinh	LL&L SNNP L	Cử nhân NN Anh	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	60,0	
20	Bùi Hồng Quân	Nam	Kinh	23/04/1990	Hà Nội	Khoa Luật - Trường Đại học Mở Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Trường Đại học Mở Hà Nội	LKT	Cử nhân NN Anh	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	72,0	
21	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	Kinh	14/10/1991	Hà Giang	Khoa Luật - Học viện Ngân hàng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội	LKT	Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Luật Kinh tế MS9380107 (3 năm)	63,5	

22	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Kinh	20/05/1991	Thanh Hóa	Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật- Đại Học Huế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội	LQT	Cử nhân NN Anh	Luật Quốc tế MS9380108 (3 năm)	59	
23	Nguyễn Hữu Khánh Linh	Nam	Kinh	21/01/1990	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	Luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	LQT	TOEFL iBT 72 ĐIỂM	Luật Quốc tế MS9380108 (3 năm)	53,6	
24	Phạm Sỹ Nguyên	Nam	Kinh	20/04/1980	Thái Bình	Viện kiểm sát nhân dân huyên Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật kinh tế	Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	LL& LSNN PL	TOEFL iBT 68 ĐIỂM	Luật Quốc tế MS9380108 (3 năm)	60,6	
25	Lê Đình Quyết	Nam	Kinh	30/08/1989	Quảng Ninh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	LQT	TOEFL iBT 65 ĐIỂM	Luật Quốc tế MS9380108 (3 năm)	79,5	